

**THÔNG BÁO**  
**Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển viên chức**

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định 228/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc điều chỉnh và giao bổ sung chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng viên chức năm 2015; Quyết định 468/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc điều chỉnh và giao bổ sung chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng viên chức và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2015;

Căn cứ Công văn số 1598/SNV-TCBC&TCPCP ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc cơ cấu chuyên môn thực hiện kế hoạch biên chế được giao của Sở Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2056/SNV-TCBC&TCPCP ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc bổ sung cơ cấu chuyên môn thực hiện kế hoạch biên chế sự nghiệp giáo dục năm học 2015-2016;

Căn cứ Công văn số 2522/SNV-CCVC ngày 13/11/2015 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc thẩm định Đề án xét tuyển viên chức của Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2015;

Hội đồng xét tuyển dụng viên chức Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình Thông báo công khai danh sách trích ngang lý lịch của thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển dụng viên chức năm 2015 khôi phục thuộc Sở biết.

Nếu có vấn đề gì vướng mắc thí sinh cần liên hệ trực tiếp về Phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình để xem xét giải quyết. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình;
- Các thành viên HĐTD;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**



**Bùi Trọng Đắc**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIỆN CHỨC NĂM 2015

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ SÁT HẠCH, PHÒNG VẤN  
TUYỂN DỤNG VIỆN CHỨC NĂM 2015



Thông báo số 17/TB-SGDDT ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình)

| TT                                                                                      | Họ và tên             | Ngày sinh  | GT  | Dân tộc | DUT | Nơi sinh              | Trường đào tạo          | T.độ | Chuyên ngành        | Hệ    | LTN  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------|-----|---------|-----|-----------------------|-------------------------|------|---------------------|-------|------|
| Khó: Trung học phổ thông<br>Vị trí đăng ký dự tuyển: Giáo viên Toán trung học phổ thông |                       |            |     |         |     |                       |                         |      |                     |       |      |
| 1                                                                                       | Bùi Tuấn Anh          | 07/03/1990 | Nam | Mường   | DT  | Lạc Sơn, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ    | TBK  |
| 2                                                                                       | Nguyễn Thị Phương Anh | 16/09/1993 | Nữ  | Kinh    |     | TP Hà Nội             | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ    | Khá  |
| 3                                                                                       | Trần Thị Lan Anh      | 07/11/1992 | Nữ  | Kinh    |     | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ    | TB   |
| 4                                                                                       | Đinh Thanh Cảnh       | 20/01/1986 | Nam | Kinh    |     | Lạc Sơn, Hòa Bình     | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ    | TB   |
| 5                                                                                       | Nguyễn Xuân Công      | 22/03/1988 | Nam | Kinh    |     | Chương Mỹ, Hà Nội     | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Toán học    | VL.VH | Khá  |
| 6                                                                                       | Hoàng Mạnh Cường      | 10/12/1992 | Nam | Kinh    |     | Lạc Thủy, Hòa Bình    | DH Khoa học Thái Nguyên | DH   | Toán                | CQ    | TB   |
| 7                                                                                       | Trần Thị Dung         | 01/09/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Lạc Thủy, Hòa Bình    | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ    | Khá  |
| 8                                                                                       | Đào Thị Kim Duyên     | 14/05/1993 | Nữ  | Kinh    |     | Gia Viễn, Ninh Bình   | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ    | Khá  |
| 9                                                                                       | Nguyễn Thị Duyên      | 26/09/1987 | Nữ  | Kinh    |     | Ba Vì, Hà Nội         | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Toán học    | LT    | Khá  |
| 10                                                                                      | Tổng Thị Thủy Dương   | 22/04/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ    | Khá  |
| 11                                                                                      | Hồ Hoàng Đức          | 09/09/1992 | Nam | Kinh    |     | Quốc Oai, Hà Nội      | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ    | TB   |
| 12                                                                                      | Nguyễn Thị Giang      | 14/10/1989 | Nữ  | Kinh    |     | Vụ Bản, Nam Định      | DHSP Thái Nguyên        | Th.S | LL&PPDH bộ môn Toán | CQ    |      |
| 13                                                                                      | Trần Thị Thanh Hà     | 09/10/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Ba Vì, Hà Nội         | DH Khoa học Thái Nguyên | DH   | Cử nhân Toán        | CQ    | Giỏi |
| 14                                                                                      | Nguyễn Mạnh Hải       | 23/12/1987 | Nam | Kinh    |     | Mai Châu, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Toán        | CQ    | TBK  |
| 15                                                                                      | Nguyễn Tuấn Hải       | 06/11/1990 | Nam | Kinh    |     | Yên Thủy, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ    | TB   |

84



| TT |                     | Ngày sinh  | GT  | Dân tộc | DUT | Nơi sinh              | Trường đào tạo     | T.độ | Chuyên ngành      | Hệ | LTN  |
|----|---------------------|------------|-----|---------|-----|-----------------------|--------------------|------|-------------------|----|------|
| 16 | Quách Văn Đạt       | 25/06/1990 | Nữ  | Mường   | DT  | Lạc Sơn, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 17 | Đinh Thị Bích Hạnh  | 26/02/1992 | Nữ  | Mường   | DT  | Kỳ Sơn, Hòa Bình      | DH Tây bắc         | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 18 | Bùi Thị Hòa         | 16/02/1989 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 19 | Lý Thị Hồng         | 16/08/1993 | Nữ  | Dao     | DT  | Đà Bắc, Hòa Bình      | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 20 | Nguyễn Thị Hồng     | 14/02/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Mỹ Đức, Hà Nội        | DHSP Hà Nội        | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | TBK  |
| 21 | Nguyễn Thị Huệ      | 28/01/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Tam Thanh, Vĩnh Phú   | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 22 | Bùi Quỳnh Hương     | 19/06/1991 | Nữ  | Mường   | DT  | Yên Thủy, Hòa Bình    | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 23 | Đỗ Thị Hương        | 11/09/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Chương Mỹ, Hà Nội     | DH Quốc Gia Hà Nội | DH   | Sư phạm Toán      | CQ | Giỏi |
| 24 | Hoàng Trung Kiên    | 24/09/1989 | Nam | Kinh    |     | Lạc Sơn, Hòa Bình     | DHSP Thái Nguyên   | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | TBK  |
| 25 | Phạm Ngọc Lan       | 12/03/1987 | Nữ  | Kinh    |     | Ứng Hòa, Hà Nội       | DHSP Hà Nội        | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 26 | Phạm Thị Lan        | 31/10/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Ứng Hòa, Hà Nội       | DHSP Hà Nội 2      | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 27 | Đỗ Văn Lễ           | 05/10/1991 | Nam | Kinh    |     | Bình Lục, Hà Nam      | DHSP Hà Nội 2      | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 28 | Phạm Thị Lệ         | 18/06/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Xuân Trường, Nam Định | DHSP Hà Nội 2      | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 29 | Bạch Khánh Linh     | 08/12/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Thái Nguyên   | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 30 | Bùi Thị Linh        | 13/07/1991 | Nữ  | Mường   | DT  | Yên Thủy, Hòa Bình    | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 31 | Bùi Thị Linh        | 24/11/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Xuân Trường, Nam Định | DHSP Hà Nội        | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | TBK  |
| 32 | Đinh Thị Thủy Linh  | 27/08/1993 | Nữ  | Kinh    |     | Lạc Thủy, Hòa Bình    | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán - Lý | CQ | Giỏi |
| 33 | Hà Văn Linh         | 07/05/1990 | Nam | Thái    | DT  | Mai Châu, Hòa Bình    | DHSP Thái Nguyên   | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | TB   |
| 34 | Nguyễn Thị Cẩm Linh | 16/09/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Kỳ Sơn, Hòa Bình      | DHSP Thái Nguyên   | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Giỏi |
| 35 | Trần Hà Linh        | 01/01/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Tân Lạc, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 36 | Đỗ Thị Khánh Ly     | 22/03/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Lạc Sơn, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội 2      | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khá  |
| 37 | Dư Thị Thanh Mai    | 14/09/1988 | Nữ  | Kinh    |     | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DHSP Đà Nẵng       | DH   | Toán - Tin        | CQ | Khá  |

84



| TT | Họ và tên             | Ngày sinh  | GT  | Dân tộc | DUT | Nơi sinh             | Trường đào tạo          | T.độ | Chuyên ngành        | Hệ | LTN |
|----|-----------------------|------------|-----|---------|-----|----------------------|-------------------------|------|---------------------|----|-----|
| 38 | Bùi Văn Mạnh          | 04/12/1990 | Nam | Mường   | DT  | Đà Bắc, Hòa Bình     | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |
| 39 | Bùi Văn Mùi           | 08/11/1991 | Nam | Mường   | DT  | Mộc Châu, Sơn La     | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |
| 40 | Chu Thị Thanh Nga     | 01/05/1991 | Nữ  | Kinh    |     | Lạc Thủy, Hòa Bình   | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | TBK |
| 41 | Vũ Thị Nga            | 10/06/1989 | Nữ  | Kinh    |     | Yên Mỹ, Hưng Yên     | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |
| 42 | Trần Thị Kim Ngân     | 07/09/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Lạc Sơn, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |
| 43 | Nguyễn Trọng Nghĩa    | 20/01/1988 | Nam | Mường   | DT  | Kỳ Sơn, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | TB  |
| 44 | Trần Thị Nguyệt       | 19/02/1991 | Nữ  | Mường   | DT  | Kỳ Sơn, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | TB  |
| 45 | Bùi Thị Nhân          | 30/10/1991 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình    | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |
| 46 | Bùi Văn Nhật          | 05/02/1991 | Nam | Mường   | DT  | Lạc Sơn, Hòa Bình    | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |
| 47 | Nguyễn Thị Nhung      | 10/09/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Kim Bôi, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |
| 48 | Bùi Thị Kim Oanh      | 16/04/1993 | Nữ  | Mường   |     | Kỳ Sơn, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |
| 49 | Khuất Văn Quang       | 17/08/1988 | Nam | Kinh    |     | Lương Sơn, Hòa Bình  | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | TBK |
| 50 | Trần Thị Quyên        | 10/10/1989 | Nữ  | Kinh    |     | Lập Thạch, Vĩnh Phúc | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | TBK |
| 51 | Hà Công Quyền         | 10/07/1991 | Nam | Thái    | DT  | Mai Châu, Hòa Bình   | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |
| 52 | Huyền Tiến Quyết      | 18/10/1990 | Nam | Kinh    |     | Lương Sơn, Hòa Bình  | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | TB  |
| 53 | Kiều Như Quỳnh        | 26/11/1989 | Nam | Mường   | DT  | Thanh Sơn, Phú Thọ   | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | TB  |
| 54 | Kiều Thủy Quỳnh       | 26/09/1993 | Nữ  | Kinh    |     | Thạch Thất, Hà Nội   | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |
| 55 | Chu Thị Thanh         | 20/05/1991 | Nữ  | Kinh    |     | Tiên Hải, Thái Bình  | DH Khoa học Thái Nguyên | DH   | Toán - Tin ứng dụng | CQ | Khả |
| 56 | Bùi Thanh Thảo        | 06/12/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |
| 57 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 04/09/1992 | Nữ  | Mường   | DT  | Lạc Thủy, Hòa Bình   | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Toán - Tin  | CQ | Khả |
| 58 | Phạm Thị Phương Thảo  | 22/11/1991 | Nữ  | Kinh    |     | Nho Quan, Ninh Bình  | DH Vinh                 | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |
| 59 | Bùi Thị Hồng Thắm     | 06/02/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Gia Viễn, Ninh Bình  | DH Hoa Lư               | DH   | Sư phạm Toán học    | CQ | Khả |

84



| TT                                                             | Họ và tên              | Ngày sinh  | GT  | Dân tộc | Đ/ƯT | Nơi sinh              | Trường đào tạo     | T.độ | Chuyên ngành      | Hệ | LTN  |
|----------------------------------------------------------------|------------------------|------------|-----|---------|------|-----------------------|--------------------|------|-------------------|----|------|
| 60                                                             | Cao Văn Thuật          | 10/12/1990 | Nữ  | Kinh    |      | Nam Ninh, Hà Nam Ninh | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khả  |
| 61                                                             | Bùi Thị Thủy           | 26/10/1991 | Nữ  | Mường   | DT   | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội 2      | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khả  |
| 62                                                             | Chu Thị Thủy           | 07/01/1990 | Nữ  | Kinh    |      | Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc | DHSP Hà Nội 2      | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khả  |
| 63                                                             | Trần Thị Thu Thủy      | 18/11/1988 | Nữ  | Kinh    |      | Tân Lạc, Hòa Bình     | DHSP Thái Nguyên   | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | TBK  |
| 64                                                             | Dương Thu Trang        | 10/09/1991 | Nữ  | Kinh    |      | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khả  |
| 65                                                             | Đinh Thị Kiều Trang    | 19/11/1990 | Nữ  | Tày     | DT   | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Thái Nguyên   | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | TB   |
| 66                                                             | Nguyễn Thị Huyền Trang | 01/09/1990 | Nữ  | Kinh    |      | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DHSP Hà Nội        | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | TB   |
| 67                                                             | Nguyễn Thị Trang       | 12/05/1986 | Nữ  | Kinh    |      | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DHSP Thái Nguyên   | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | TBK  |
| 68                                                             | Bùi Văn Trường         | 09/02/1991 | Nam | Mường   | DT   | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | TB   |
| 69                                                             | Phan Thanh Tú          | 26/03/1991 | Nữ  | Kinh    |      | Tam Dương, Vĩnh Phúc  | DH Quốc gia Hà Nội | DH   | Sư phạm Toán      | CQ | Khả  |
| 70                                                             | Bùi Đức Tuấn           | 07/09/1986 | Nam | Mường   | DT   | Đà Bắc, Hòa Bình      | DH Quốc gia Hà Nội | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | TB   |
| 71                                                             | Nguyễn Văn Tùng        | 09/03/1985 | Nam | Kinh    |      | Lạc Sơn, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán - Lý | CQ | TBK  |
| 72                                                             | Đinh Thị Mỹ Tuyền      | 02/08/1989 | Nữ  | Kinh    |      | Yên Thủy, Hòa Bình    | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán - Lý | CQ | Khả  |
| 73                                                             | Trần Văn Tự            | 10/07/1984 | Nam | Kinh    | CTB  | Nga Sơn, Thanh Hóa    | DH Hồng Đức        | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khả  |
| 74                                                             | Bùi Thị Tường          | 05/05/1992 | Nữ  | Mường   | DT   | Lạc Sơn, Hòa Bình     | DHSP Thái Nguyên   | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Giỏi |
| 75                                                             | Nguyễn Thị Hồng Vân    | 22/03/1992 | Nữ  | Kinh    |      | Phúc Thọ, Hà Tây      | DHSP Thái Nguyên   | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khả  |
| 76                                                             | Nguyễn Hải Yến         | 28/05/1992 | Nữ  | Kinh    |      | Chương Mỹ, Hà Nội     | DH Quốc gia Hà Nội | DH   | Sư phạm Toán      | CQ | Khả  |
| 77                                                             | Quách Thị Hải Yến      | 01/01/1991 | Nữ  | Mường   | DT   | Yên Thủy, Hòa Bình    | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Toán học  | CQ | Khả  |
| Vị trí đăng ký dự tuyển: Giáo viên Hóa học trung học phổ thông |                        |            |     |         |      |                       |                    |      |                   |    |      |
| 78                                                             | Trần Hải Anh           | 08/05/1988 | Nữ  | Kinh    |      | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DHSP Thái Nguyên   | DH   | Sư phạm Hóa học   | CQ | TBK  |
| 79                                                             | Vũ Việt Anh            | 20/08/1992 | Nam | Kinh    |      | Bình Lục, Hà Nam      | DHSP Hà Nội 2      | DH   | Sư phạm Hóa học   | CQ | Khả  |
| 80                                                             | Bùi Thị Ngọc Ánh       | 13/05/1993 | Nữ  | Kinh    | CTB  | Lạc Thủy, Hòa Bình    | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Hóa học   | CQ | Khả  |

84



| TT  | Họ và tên            | Ngày sinh  | GT  | Dân tộc | DUT | Nơi sinh              | Trường đào tạo   | T.độ | Chuyên ngành    | Hệ | LTN  |
|-----|----------------------|------------|-----|---------|-----|-----------------------|------------------|------|-----------------|----|------|
| 81  | Bùi Thị Anh          | 15/10/1991 | Nữ  | Mường   | DT  | Lạc Sơn, Hòa Bình     | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 82  | Hoàng Thị Văn Chi    | 05/09/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Lương Sơn, Hòa Bình   | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 83  | Phạm Kim Chi         | 18/10/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Lương Sơn, Hòa Bình   | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TB   |
| 84  | Trần Thị Thùy Chinh  | 30/12/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Lạc Sơn, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 85  | Bùi Thành Công       | 05/12/1990 | Nam | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 86  | Đinh Thị Diễm        | 24/09/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Yên Thủy, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Giỏi |
| 87  | Phạm Trung Dũng      | 27/04/1989 | Nam | Kinh    |     | Lạc Thủy, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TBK  |
| 88  | Bùi Thị Dung         | 29/08/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Lạc Sơn, Hòa Bình     | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 89  | Nguyễn Chung Đức     | 12/03/1991 | Nam | Kinh    |     | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TB   |
| 90  | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 20/09/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Mai Châu, Hòa Bình    | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 91  | Nguyễn Thị Hạnh      | 08/03/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 92  | Đinh Thị Hoa         | 23/01/1992 | Nữ  | Mường   | DT  | Tân Lạc, Hòa Bình     | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 93  | Nguyễn Thu Hồng      | 04/06/1991 | Nữ  | Kinh    |     | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội 2    | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TBK  |
| 94  | Hoàng Thu Hương      | 18/12/1992 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 95  | Nguyễn Thị Khánh     | 25/08/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Mai Châu, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TB   |
| 96  | Bùi Thị Linh         | 24/10/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Giỏi |
| 97  | Lê Thùy Linh         | 02/11/1993 | Nữ  | Kinh    |     | Mai Châu, Hòa Bình    | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 98  | Nguyễn Thị Thùy Linh | 17/06/1993 | Nữ  | Kinh    |     | Thanh Ba, Phú Thọ     | DH Hùng vương    | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Giỏi |
| 99  | Bùi Thị Linh         | 15/08/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Thái Nguyên   | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TB   |
| 100 | Ngô Thị Loan         | 05/06/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Trực Ninh, Nam Định   | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Giỏi |
| 101 | Nguyễn Thanh Loan    | 09/05/1991 | Nữ  | Kinh    |     | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TB   |
| 102 | Trương Thị Kim Loan  | 28/09/1991 | Nữ  | Kinh    |     | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DHSP Hà Nội 2    | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |

| TT  | Họ và tên            | Ngày sinh  | GT  | Dân tộc | ĐUT | Nơi sinh              | Trường đào tạo          | T.độ | Chuyên ngành    | Hệ | LTN  |
|-----|----------------------|------------|-----|---------|-----|-----------------------|-------------------------|------|-----------------|----|------|
| 103 | Lương Văn Đạt        | 15/04/1990 | Nam | Tây     | DT  | Đà Bắc, Hòa Bình      | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TB   |
| 104 | Nguyễn Đức Long      | 25/11/1988 | Nam | Kinh    |     | Đà Bắc, Hòa Bình      | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TBK  |
| 105 | Phan Thị Mơ          | 20/11/1988 | Nữ  | Kinh    |     | Tam Thanh, Vĩnh Phú   | DH Khoa học Thái Nguyên | DH   | Hóa học         | CQ | Khá  |
| 106 | Nguyễn Hà My         | 29/01/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 107 | Khuong Văn Nam       | 05/10/1989 | Nam | Kinh    |     | Đà Bắc, Hòa Bình      | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TB   |
| 108 | Dương Thu Nga        | 09/03/1992 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 109 | Mai Thị Nga          | 14/01/1991 | Nữ  | Kinh    |     | Thái Thụy, Thái Bình  | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 110 | Chu Kim Ngân         | 24/10/1991 | Nữ  | Kinh    |     | Ba Vì, Hà Nội         | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Hóa học         | CQ | Giỏi |
| 111 | Bùi Thị Ngân         | 09/09/1991 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 112 | Vũ Thị Nhâm          | 21/01/1993 | Nữ  | Kinh    | CBB | Mỹ Tân, Nam Định      | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 113 | Nguyễn Đăng Nhân     | 08/02/1990 | Nam | Kinh    |     | Thuận Thành, Hà Bắc   | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TBK  |
| 114 | Ngô Hồng Nhung       | 16/12/1991 | Nữ  | Kinh    |     | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 115 | Nguyễn Thị Quỳnh     | 05/03/1993 | Nữ  | Kinh    |     | Mai Châu, Hòa Bình    | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Giỏi |
| 116 | Lê Thị Phương Thảo   | 31/12/1989 | Nữ  | Kinh    |     | Lạc Thủy, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội 2           | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 117 | Nguyễn Thu Thảo      | 27/10/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Đà Bắc, Hòa Bình      | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 118 | Trần Thị Phương Thảo | 11/07/1989 | Nữ  | Kinh    |     | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TBK  |
| 119 | Bùi Thị Thắm         | 02/12/1991 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 120 | Trần Thị Tâm Thu     | 09/10/1991 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Quốc gia Hà Nội      | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Giỏi |
| 121 | Trần Thị Thu         | 18/09/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Vĩnh Linh, Quảng Trị  | DHSP Huế                | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 122 | Lê Văn Thuận         | 25/09/1991 | Nam | Kinh    |     | Phú Xuyên, Hà Nội     | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 123 | Nguyễn Thị Thúy      | 07/08/1991 | Nữ  | Kinh    |     | Quốc Oai, Hà Nội      | DH Quốc gia Hà Nội      | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 124 | Bùi Kiều Trang       | 12/03/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | TB   |



| TT  |               | Ngày sinh  | GT | Dân tộc | D/UT | Nơi sinh          | Trường đào tạo          | T.độ | Chuyên ngành    | Hệ | LTN  |
|-----|---------------|------------|----|---------|------|-------------------|-------------------------|------|-----------------|----|------|
| 125 | Trương Thị Hà | 25/02/1992 | Nữ | Kinh    |      | Ý Yên, Nam Định   | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Giỏi |
| 126 | Hà Thị Ước    | 17/02/1989 | Nữ | Tày     | DT   | Đà Bắc, Hòa Bình  | DH Khoa học Thái Nguyên | DH   | Cử nhân Hóa học | CQ | Khá  |
| 127 | Bùi Thị Vân   | 13/12/1993 | Nữ | Mường   | DT   | Kim Bôi, Hòa Bình | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |
| 128 | Bùi Thị Xuyên | 07/02/1991 | Nữ | Mường   | DT   | Lạc Sơn, Hòa Bình | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Hóa học | CQ | Khá  |

Vị trí đăng ký dự tuyển: Giáo viên Ngữ văn trung học phổ thông

|     |                       |            |     |       |    |                      |                  |    |                 |    |      |
|-----|-----------------------|------------|-----|-------|----|----------------------|------------------|----|-----------------|----|------|
| 129 | Nguyễn Thị Lan Anh    | 08/12/1991 | Nữ  | Mường | DT | Đà Bắc, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội      | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | Khá  |
| 130 | Đinh Thị Bắc          | 26/06/1984 | Nữ  | Kinh  |    | Lạc Thủy, Hòa Bình   | DHSP Hà Nội 2    | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | TBK  |
| 131 | Bùi Thị Bích          | 22/12/1990 | Nữ  | Mường | DT | Lạc Sơn, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội 2    | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | Khá  |
| 132 | Bùi Thị Hòa Bình      | 09/11/1991 | Nữ  | Mường | DT | Lạc Sơn, Hòa Bình    | DH Tây Bắc       | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | Giỏi |
| 133 | Phạm Thị Châu         | 05/06/1985 | Nữ  | Kinh  |    | Vụ Bản, Nam Định     | DH Đà Nẵng       | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | TBK  |
| 134 | Phạm Thị Duyên        | 04/09/1993 | Nữ  | Kinh  |    | Thái Thủy, Thái Bình | DH Tây Bắc       | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | Giỏi |
| 135 | Nguyễn Thị Thủy Dương | 08/09/1992 | Nữ  | Kinh  |    | Kim Bôi, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội      | DH | Văn học         | CQ | Khá  |
| 136 | Bùi Thị Giang         | 19/05/1990 | Nữ  | Mường | DT | Lương Sơn, Hòa Bình  | DHSP Hà Nội      | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | Khá  |
| 137 | Bùi Thị Gương         | 15/01/1989 | Nữ  | Mường | DT | Lạc Sơn, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội 2    | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | TB   |
| 138 | Bùi Văn Hà            | 20/02/1989 | Nam | Mường | DT | Lạc Sơn, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội 2    | ĐH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | TBK  |
| 139 | Phú Thị Ngọc Hà       | 09/11/1988 | Nữ  | Kinh  |    | Kim Bôi, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội      | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | TBK  |
| 140 | Tịnh Thủy Hà          | 13/09/1993 | Nữ  | Mường | DT | Yên Thủy, Hòa Bình   | DHSP Thái Nguyên | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | TB   |
| 141 | Nguyễn Hồng Hạnh      | 13/09/1988 | Nữ  | Mường | DT | Kim Bôi, Hòa Bình    | DHSP Thái Nguyên | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | TBK  |
| 142 | Đinh Thanh Hiếu       | 27/11/1993 | Nữ  | Mường | DT | Kỳ Sơn, Hòa Bình     | DH Tây Bắc       | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | Khá  |
| 143 | Bùi Thị Thanh Hòa     | 15/06/1991 | Nữ  | Mường | DT | Kim Bôi, Hòa Bình    | DH Tây Bắc       | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | Khá  |
| 144 | Khà Thị Hòa           | 04/10/1991 | Nữ  | Thái  | DT | Mai Châu, Hòa Bình   | DHSP Hà Nội 2    | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | Khá  |
| 145 | Nguyễn Thị Hòa        | 02/07/1989 | Nữ  | Kinh  |    | Tân Lạc, Hòa Bình    | DH Tây Bắc       | DH | Sư phạm Ngữ văn | CQ | Giỏi |

| TT  | Họ và tên              | Ngày sinh  | GT | Dân tộc | DUT | Nơi sinh                  | Trường đào tạo   | T.độ | Chuyên ngành        | Hệ   | LTN  |
|-----|------------------------|------------|----|---------|-----|---------------------------|------------------|------|---------------------|------|------|
| 146 | K' Thị Hòn             | 01/04/1992 | Nữ | Nộp     | DT  | Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận | DH Đà Lạt        | DH   | Văn học             | CQ   | Khá  |
| 147 | Bùi Thanh Hương        | 13/01/1985 | Nữ | Kinh    |     | Đà Bắc, Hòa Bình          | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | TBK  |
| 148 | Bùi Thị Thu Hương      | 20/11/1986 | Nữ | Mường   | DT  | Lạc Sơn, Hòa Bình         | DHSP Hà Nội 2    | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | TBK  |
| 149 | Nguyễn Thị Lan Hương   | 07/03/1992 | Nữ | Mường   | DT  | Kỳ Sơn, Hòa Bình          | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Văn - GDCCD | CQ   | Khá  |
| 150 | Nguyễn Thị Mai Hương   | 10/06/1993 | Nữ | Mường   | DT  | Kỳ Sơn, Hòa Bình          | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Giỏi |
| 151 | Nguyễn Thị Thu Hương   | 05/06/1991 | Nữ | Mường   | DT  | TP Hòa Bình, Hòa Bình     | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 152 | Vũ Thị Quỳnh Hương     | 12/06/1990 | Nữ | Kinh    |     | TP Nam Định, Nam Định     | DHSP Hà Nội 2    | Th.S | Lý luận văn học     | CQ   |      |
| 153 | Nguyễn Thị Hương       | 04/05/1991 | Nữ | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình         | DHSP Hà Nội 2    | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 154 | Nguyễn Thị Minh Khuyên | 09/07/1987 | Nữ | Kinh    |     | Kỳ Sơn, Hòa Bình          | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | TBK  |
| 155 | Bùi Thị Mỹ Linh        | 01/09/1991 | Nữ | Mường   | DT  | Lạc Sơn, Hòa Bình         | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | TB   |
| 156 | Nguyễn Phương Linh     | 17/05/1989 | Nữ | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình         | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 157 | Nguyễn Thị Loan        | 16/06/1989 | Nữ | Mường   | DT  | TP Hòa Bình, Hòa Bình     | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | TB   |
| 158 | Nguyễn Thị Luyện       | 19/08/1987 | Nữ | Kinh    |     | Mỹ Đức, Hà Nội            | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 159 | Lại Thị Lương          | 22/06/1991 | Nữ | Kinh    |     | Lạc Thủy, Hòa Bình        | DHSP Hà Nội 2    | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 160 | Đinh Thị Ly            | 28/04/1991 | Nữ | Kinh    |     | Lạc Thủy, Hòa Bình        | DHSP Hà Nội 2    | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 161 | Bùi Thị Mai            | 28/05/1992 | Nữ | Mường   | DT  | Cao Phong, Hòa Bình       | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 162 | Đỗ Quỳnh Nga           | 19/09/1993 | Nữ | Mường   | DT  | TP Hòa Bình, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Giỏi |
| 163 | Bùi Thị Nguyệt         | 07/03/1987 | Nữ | Kinh    |     | Tân Lạc, Hòa Bình         | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | VLVH | Giỏi |
| 164 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 28/09/1993 | Nữ | Mường   | DT  | Kỳ Sơn, Hòa Bình          | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 165 | Ngô Thị Thủy Nhân      | 22/08/1991 | Nữ | Kinh    |     | Yên Thủy, Hòa Bình        | DH Đà Lạt        | DH   | Văn học             | CQ   | Khá  |
| 166 | Lý Thị Nhân            | 08/02/1992 | Nữ | Nùng    | DT  | Đồng Hỷ, Thái Nguyên      | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 167 | Quách Thị Nhân         | 27/09/1992 | Nữ | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình         | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |



*Handwritten signature*

| TT  | Họ và tên<br><b>SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐÀO TẠO</b> | Ngày sinh  | GT  | Dân tộc | DUT | Nơi sinh              | Trường đào tạo     | T.độ | Chuyên ngành        | Hệ   | LTN  |
|-----|--------------------------------------------|------------|-----|---------|-----|-----------------------|--------------------|------|---------------------|------|------|
| 168 | Nguyễn Thị Nhàn                            | 05/10/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Giỏi |
| 169 | Nguyễn Ngọc Nhung                          | 27/07/1991 | Nữ  | Kinh    |     | Kỳ Sơn, Hòa Bình      | DHSP Hà Nội        | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | TB   |
| 170 | Bùi Văn Niên                               | 06/10/1992 | Nam | Mường   | DT  | Lạc Thủy, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội        | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 171 | Mai Thị Oanh                               | 10/02/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Mai Châu, Hòa Bình    | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Văn - GDCCD | CQ   | Khá  |
| 172 | Nguyễn Hồng Phương                         | 02/11/1983 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | VLVH | Giỏi |
| 173 | Vương Minh Phương                          | 30/07/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Quốc Oai, Hà Nội      | DHSP Thái Nguyên   | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 174 | Nguyễn Thị Thu Quế                         | 20/07/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Yên Thủy, Hòa Bình    | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 175 | Xa Thị Quý                                 | 23/04/1992 | Nữ  | Tày     | DT  | Đà Bắc, Hòa Bình      | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 176 | Bùi Thị Mai Sao                            | 05/06/1992 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Văn - GDCCD | CQ   | Khá  |
| 177 | Bùi Thị Thao                               | 18/06/1990 | Nữ  | Kinh    |     | Thanh Chương, Nghệ An | DHSP Huế           | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 178 | Ngô Thị Thu Thảo                           | 04/10/1993 | Nữ  | Kinh    |     | Đà Bắc, Hòa Bình      | DH Quốc gia Hà Nội | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 179 | Bùi Thị Thor                               | 07/10/1991 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 180 | Bùi Thị Thu                                | 26/08/1988 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Vinh            | DH   | Ngữ văn             | CQ   | Khá  |
| 181 | Bùi Thị Thu                                | 28/09/1988 | Nữ  | Mường   | DT  | Tân Lạc, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Văn - GDCCD | CQ   | Khá  |
| 182 | Hoàng Thị Thủy                             | 19/01/1987 | Nữ  | Kinh    |     | Lạc Thủy, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội        | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | TBK  |
| 183 | Đào Thị Thủy                               | 02/02/1988 | Nữ  | Kinh    |     | Gia Viễn, Ninh Bình   | DHSP Hà Nội        | DH   | Sư phạm Văn - GDCCD | CQ   | Khá  |
| 184 | Đỗ Thị Thương                              | 21/01/1986 | Nữ  | Kinh    |     | Kim Thành, Hải Dương  | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Văn - GDCCD | CQ   | Khá  |
| 185 | Triệu Thị Tinh                             | 26/01/1990 | Nữ  | Dao     | DT  | Đà Bắc, Hòa Bình      | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Giỏi |
| 186 | Bùi Thị Trang                              | 01/05/1990 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Giỏi |
| 187 | Nguyễn Ngọc Trâm                           | 28/12/1992 | Nữ  | Mường   | DT  | Kỳ Sơn, Hòa Bình      | DH Quốc gia Hà Nội | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |
| 188 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh                     | 26/10/1991 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội 2      | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | TBK  |
| 189 | Phạm Kim Tuyền                             | 21/01/1986 | Nữ  | Kinh    |     | Yên Thủy, Hòa Bình    | DH Quốc gia Hà Nội | DH   | Sư phạm Ngữ văn     | CQ   | Khá  |



| TT  |                | Ngày sinh  | GT  | Dân tộc | DUT | Nơi sinh           | Trường đào tạo     | T.độ | Chuyên ngành    | Hệ | LTN |
|-----|----------------|------------|-----|---------|-----|--------------------|--------------------|------|-----------------|----|-----|
| 190 | Nguyễn Thị Vân | 06/08/1990 | Nữ  | Kinh    |     | TP Hòa Bình        | DH Quốc gia Hà Nội | DH   | Sư phạm Ngữ văn | CQ | Khá |
| 191 | Bùi Văn Xuân   | 27/07/1983 | Nam | Mường   | DT  | Yên Thủy, Hòa Bình | DH Quý Nhon        | DH   | Ngữ văn         | CQ | TBK |
| 192 | Vũ Thị Yên     | 10/05/1987 | Nữ  | Kinh    |     | Quốc Oai, Hà Nội   | DHSP Đà Nẵng       | DH   | Văn học         | CQ | Khá |

**Vị trí đang kỳ dự tuyển:** Giáo viên Lịch sử trung học phổ thông

|     |                      |            |     |       |    |                       |                    |    |                 |    |      |
|-----|----------------------|------------|-----|-------|----|-----------------------|--------------------|----|-----------------|----|------|
| 193 | Đông Thị Bay         | 27/08/1990 | Nữ  | Tày   | DT | Cao Lộc, Lạng Sơn     | DHSP Hà Nội        | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Giỏi |
| 194 | Đỗ Thị Cúc           | 23/10/1992 | Nữ  | Mường | DT | Lương Sơn, Hòa Bình   | DHSP Hà Nội        | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Giỏi |
| 195 | Bùi Thị Ánh Dương    | 21/01/1992 | Nữ  | Mường | DT | Kỳ Sơn, Hòa Bình      | DHSP Hà Nội        | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Khá  |
| 196 | Hồ Hải Đăng          | 02/02/1991 | Nam | Kinh  |    | Lạc Sơn, Hòa Bình     | DHSP Thái Nguyên   | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Khá  |
| 197 | Dương Thị Thu Hương  | 06/04/1993 | Nữ  | Mường | DT | Lương Sơn, Hòa Bình   | DHSP Hà Nội        | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Khá  |
| 198 | Hà Văn Lực           | 07/05/1993 | Nam | Thái  | DT | Mai Châu, Hòa Bình    | DH Tây Bắc         | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Giỏi |
| 199 | Nguyễn Thị Kim Nhung | 10/10/1993 | Nữ  | Mường | DT | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DHSP Thái Nguyên   | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Khá  |
| 200 | Bùi Thị Nương        | 08/12/1990 | Nữ  | Mường | DT | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội        | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Khá  |
| 201 | Ngô Như Quỳnh        | 28/12/1991 | Nữ  | Kinh  |    | Kỳ Sơn, Hòa Bình      | DH Quốc gia Hà nội | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Giỏi |
| 202 | Đinh Thị Tâm         | 15/12/1986 | Nữ  | Kinh  |    | Bình Lục, Hà Nam      | DH Tây Bắc         | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Khá  |
| 203 | Nguyễn Thị Ngọc Thoa | 19/11/1992 | Nữ  | Kinh  |    | Ba Vì, Hà Nội         | DHSP Đà Nẵng       | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Khá  |
| 204 | Nguyễn Ngọc Thúy     | 28/07/1989 | Nữ  | Kinh  |    | Lương Sơn, Hòa Bình   | DHSP Hà Nội        | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Khá  |
| 205 | Hà Thị Tinh          | 26/02/1990 | Nữ  | Tày   | DT | Đà Bắc, Hòa Bình      | DH Tây Bắc         | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Khá  |
| 206 | Đinh Thị Tường Vi    | 20/10/1993 | Nữ  | Tày   | DT | Tràng Định, Lạng Sơn  | DHSP Hà Nội        | DH | Sư phạm Lịch sử | CQ | Giỏi |

**Vị trí đang kỳ dự tuyển:** Giáo viên Địa lý trung học phổ thông

|     |                   |            |     |       |    |                       |                  |    |                |    |      |
|-----|-------------------|------------|-----|-------|----|-----------------------|------------------|----|----------------|----|------|
| 207 | Nguyễn Hoàng Anh  | 20/02/1987 | Nam | Kinh  |    | PT Hòa Bình, Hòa Bình | DHSP Thái Nguyên | DH | Sư phạm Địa lý | CQ | TBK  |
| 208 | Bùi Thị Hồng Dung | 28/05/1991 | Nữ  | Mường | DT | Lạc Sơn, Hòa Bình     | DH Tây Bắc       | DH | Sư phạm Địa lý | CQ | Giỏi |
| 209 | Nguyễn Thị Đào    | 20/07/1989 | Nữ  | Kinh  |    | Yên Thủy, Hòa Bình    | DH Tây Bắc       | DH | Sư phạm Địa lý | CQ | Khá  |

84



| TT  |                                               | Ngày sinh  | GT  | Dân tộc | DUT | Nơi sinh              | Trưởng đào tạo   | T.độ | Chuyên ngành   | Hệ | LTN  |
|-----|-----------------------------------------------|------------|-----|---------|-----|-----------------------|------------------|------|----------------|----|------|
| 210 | Hà Thị <del>Hà Thị</del> <b>Hà Thị Đào</b>    | 17/11/1993 | Nữ  | Dao     | DT  | Chợ Đồn, Bắc Cạn      | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Địa lý | CQ | Giỏi |
| 211 | Khà Thị <del>Khà Thị</del> <b>Khà Thị Đào</b> | 24/02/1993 | Nữ  | Thái    | DT  | Mai Châu, Hòa Bình    | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Địa lý | CQ | Giỏi |
| 212 | Bùi Thị Nga                                   | 16/06/1985 | Nữ  | Mường   | DT  | Yên Thủy, Hòa Bình    | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Địa lý | CQ | TBK  |
| 213 | Bùi Thị Hồng Thim                             | 13/11/1992 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Địa lý | CQ | Giỏi |
| 214 | Bùi Hà Thu                                    | 28/08/1992 | Nữ  | Mường   | DT  | Yên Thủy, Hòa Bình    | DHSP Hà Nội      | DH   | Sư phạm Địa lý | CQ | Khá  |
| 215 | Hoàng Thị Thanh Thủy                          | 28/11/1990 | Nữ  | Kinh    |     | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Địa lý | CQ | Khá  |
| 216 | Ngô Minh Vương                                | 05/12/1985 | Nam | Kinh    |     | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DH Tây Bắc       | DH   | Sư phạm Địa lý | CQ | Khá  |
| 217 | Nguyễn Thị Hải Yến                            | 27/08/1987 | Nữ  | Mường   | DT  | Kỳ Sơn, Hòa Bình      | DHSP Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Địa lý | CQ | Khá  |

**Vị trí đang ký dự tuyển: Giáo viên Giáo dục Công dân trung học phổ thông**

|     |                     |            |    |       |    |                      |                  |    |                      |    |      |
|-----|---------------------|------------|----|-------|----|----------------------|------------------|----|----------------------|----|------|
| 218 | Giang Quỳnh Anh     | 16/01/1992 | Nữ | Mường | DT | Lạc Thủy, Hòa Bình   | DHSP Hà Nội 2    | DH | Sư phạm GDCCD-GDQP   | CQ | TBK  |
| 219 | Nguyễn Thị Thu Diệu | 01/08/1993 | Nữ | Mường | DT | Lương Sơn, Hòa Bình  | DHSP Hà Nội 2    | DH | Sư phạm GDCCD        | CQ | Khá  |
| 220 | Nguyễn Thị Dịu      | 01/08/1993 | Nữ | Kinh  |    | Nghĩa Hưng, Nam Định | DHSP Hà Nội 2    | DH | Sư phạm GDCCD        | CQ | Khá  |
| 221 | Bạch Thị Hà         | 07/05/1991 | Nữ | Mường | DT | Lạc Thủy, Hòa Bình   | DHSP Hà Nội 2    | DH | Sư phạm GDCCD        | CQ | Giỏi |
| 222 | Trần Thị Hồng Hạnh  | 24/11/1991 | Nữ | Mường | DT | Yên Lập, Phú Thọ     | DHSP Hà Nội 2    | DH | Sư phạm GDCCD        | CQ | Khá  |
| 223 | Bùi Thị Hằng        | 06/03/1991 | Nữ | Kinh  |    | Yên Mô, Ninh Bình    | DHSP Hà Nội 2    | DH | Sư phạm GDCCD - GDQP | CQ | Khá  |
| 224 | Vũ Thị Hiền         | 03/10/1987 | Nữ | Kinh  |    | Vĩnh Lạc, Vĩnh Phúc  | DHSP Thái Nguyên | DH | Sư phạm GDCCD        | CQ | Khá  |
| 225 | Vì Thị Hương        | 07/10/1989 | Nữ | Thái  | DT | Mai Châu, Hòa Bình   | DHPS Hà Nội 2    | DH | Sư phạm GDCCD-GDQP   | CQ | Khá  |
| 226 | Nguyễn Thị Quỳên    | 11/03/1989 | Nữ | Mường | DT | Lạc Sơn, Hòa Bình    | DHSP Thái Nguyên | DH | Sư phạm GDCCD        | CQ | TBK  |
| 227 | Bùi Thị Thiên       | 15/09/1991 | Nữ | Mường | DT | Kim Bôi, Hòa Bình    | DHSP Thái Nguyên | DH | Sư phạm GDCCD        | CQ | Giỏi |
| 228 | Nguyễn Thị Trang    | 15/07/1988 | Nữ | Kinh  |    | Kim Bôi, Hòa Bình    | DHSP Thái Nguyên | DH | Sư phạm GDCCD        | CQ | TBK  |

**Vị trí đang ký dự tuyển: Giáo viên Tiếng Anh trung học phổ thông**

|     |                |            |     |      |  |                   |                  |    |                   |    |     |
|-----|----------------|------------|-----|------|--|-------------------|------------------|----|-------------------|----|-----|
| 229 | Nguyễn Đức Anh | 12/03/1988 | Nam | Kinh |  | Lạc Sơn, Hòa Bình | DHSP Thái Nguyên | DH | Sư phạm Tiếng Anh | CQ | TBK |
|-----|----------------|------------|-----|------|--|-------------------|------------------|----|-------------------|----|-----|

84



| TT  |                      | Ngày sinh  | GT  | Dân tộc | DUT | Nơi sinh               | Trường đào tạo          | T.độ | Chuyên ngành          | Hệ   | LTN  |
|-----|----------------------|------------|-----|---------|-----|------------------------|-------------------------|------|-----------------------|------|------|
| 230 | Nguyễn Thị Ngọc Anh  | 24/09/1989 | Nữ  | Kinh    |     | Lý Nhân, Hà Nam        | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Tiếng Anh     | VLVH | TBK  |
| 231 | Trần Đình Chi        | 27/01/1986 | Nữ  | Kinh    |     | TP Hòa Bình, Hòa Bình  | DH Quốc gia Hà Nội      | DH   | Tiếng Anh             | VLVH | TB   |
| 232 | Bùi Thị Như Châu     | 18/03/1992 | Nữ  | Mường   | DT  | Lạc Sơn, Hòa Bình      | DH Hồng Đức             | DH   | Sư phạm Tiếng Anh     | CQ   | Khá  |
| 233 | Nguyễn Thị Cúc       | 19/07/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Lạc Thủy, Hòa Bình     | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Tiếng Anh     | CQ   | Khá  |
| 234 | Nguyễn Thị Hạnh Đức  | 26/06/1991 | Nữ  | Kinh    |     | Lạc Thủy, Hòa Bình     | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Tiếng Anh     | CQ   | TB   |
| 235 | Nguyễn Thị Minh Hiền | 20/07/1991 | Nữ  | Kinh    |     | Kim Bôi, Hòa Bình      | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Tiếng Anh     | CQ   | TB   |
| 236 | Trần Thị Thu Hiền    | 04/08/1986 | Nữ  | Kinh    |     | Yên Thủy, Hòa Bình     | DH Mỏ Hà Nội            | DH   | Ngôn ngữ Anh          | CQ   | Khá  |
| 237 | Nguyễn Phương Hoa    | 11/10/1991 | Nữ  | Kinh    |     | TP Hòa Bình, Hòa Bình  | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Tiếng Anh     | CQ   | TB   |
| 238 | Nguyễn Thanh Huyền   | 23/03/1992 | Nữ  | Kinh    |     | Cao Phong, Hòa Bình    | DH KD&CN Hà Nội         | DH   | Tiếng Anh             | CQ   | Khá  |
| 239 | Hoàng Thị Thu Hương  | 27/09/1987 | Nữ  | Mường   | DT  | Lương Sơn, Hòa Bình    | DH Mỏ Hà Nội            | DH   | Tiếng Anh             | CQ   | Giỏi |
| 240 | Lê Thị Bích Liên     | 20/09/1986 | Nữ  | Kinh    |     | Lương Sơn, Hòa Bình    | DHSP Thái Nguyên        | DH   | Sư phạm Tiếng Anh     | CQ   | TBK  |
| 241 | Bùi Tuyết Liễu       | 12/10/1987 | Nữ  | Mường   | DT  | Yên Thủy, Hòa Bình     | DH Khoa học Thái Nguyên | DH   | Tiếng Anh             | CQ   | TBK  |
| 242 | Bùi Thị Mai          | 07/05/1991 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình      | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Tiếng Anh     | CQ   | Khá  |
| 243 | Nguyễn Quỳnh Mai     | 02/11/1988 | Nữ  | Mường   | DT  | Kỳ Sơn, Hòa Bình       | DH Đà Lạt               | DH   | Tiếng Anh             | CQ   | TBK  |
| 244 | Cần Văn Mạnh         | 25/08/1988 | Nam | Kinh    |     | Thạch Thấu, Hà Nội     | DHSP Hà Nội             | DH   | Sư phạm Tiếng Anh     | LT   | Khá  |
| 245 | Lê Quỳnh Nga         | 10/10/1987 | Nữ  | Kinh    |     | Kim Bôi, Hòa Bình      | DH Mỏ Hà Nội            | DH   | Ngôn ngữ Anh          | CQ   | Giỏi |
| 246 | Kiều Thị Thủy Ngân   | 09/05/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Thanh Sơn, Phú Thọ     | DH Hùng vương           | DH   | Sư phạm Tiếng Anh     | CQ   | Khá  |
| 247 | Bùi Thị Soi Ngân     | 02/11/1987 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình      | DH Quốc gia Hà Nội      | DH   | Sư phạm Tiếng Anh     | CQ   | Khá  |
| 248 | Đinh Thị Nhất        | 05/05/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình      | DH Tây Bắc              | DH   | Sư phạm Tiếng Anh     | CQ   | Khá  |
| 249 | Nguyễn Thị Phương    | 31/08/1980 | Nữ  | Kinh    |     | Hoài Đức, Hà Nội       | DH Victoria, Australia  | Th.S | LL&PP giảng dạy Tiếng | CQ   | Giỏi |
| 250 | Trần Thị Phương      | 05/03/1988 | Nữ  | Kinh    |     | Xuân Thủy, Hà Nam Ninh | DH Mỏ Hà Nội            | DH   | Tiếng Anh             | CQ   | Khá  |
| 251 | Đinh Thị Quỳn        | 01/03/1992 | Nữ  | Mường   | DT  | Đà Bắc, Hòa Bình       | DH Thái Nguyên          | DH   | Ngôn ngữ Anh          | CQ   | Khá  |



| TT  |                      | Ngày sinh  | GT | Dân tộc | DUT | Nơi sinh           | Trường đào tạo | T.độ | Chuyên ngành      | Hệ | LTN  |
|-----|----------------------|------------|----|---------|-----|--------------------|----------------|------|-------------------|----|------|
| 252 | Hà Thị Thanh         | 18/09/1989 | Nữ | Thái    | DT  | Mai Châu, Hòa Bình | DH Tây Bắc     | DH   | Sư phạm Tiếng Anh | CQ | Khả  |
| 253 | Nguyễn Thị Anh Thư   | 27/12/1993 | Nữ | Kinh    |     | Kim Bàng, Hà Nam   | DH Vinh        | DH   | Sư phạm Tiếng Anh | CQ | Khả  |
| 254 | Bùi Thị Minh Thủy    | 03/10/1991 | Nữ | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình  | DH Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Tiếng Anh | CQ | Khả  |
| 255 | Đinh Thị Huyền Trang | 01/10/1990 | Nữ | Kinh    |     | Lạc Thủy, Hòa Bình | DH Thái Nguyên | DH   | Sư phạm Tiếng Anh | CQ | Khả  |
| 256 | Nguyễn Thị Thu Trang | 29/10/1988 | Nữ | Kinh    |     | Kim Bôi, Hòa Bình  | DH Mỏ Hà Nội   | DH   | Tiếng Anh         | CQ | Giỏi |

**Vị trí đang kỳ dự tuyển: Giáo viên Thể dục và Giáo dục Quốc phòng An ninh**

|     |                 |            |    |      |  |                    |                  |    |                   |    |     |
|-----|-----------------|------------|----|------|--|--------------------|------------------|----|-------------------|----|-----|
| 257 | Nguyễn Thị Toàn | 30/01/1990 | Nữ | Kinh |  | Kim Môn, Hải Dương | DHSP TDTT Hà Nội | DH | Giáo dục Thể chất | CQ | Khả |
|-----|-----------------|------------|----|------|--|--------------------|------------------|----|-------------------|----|-----|

**Vị trí đang kỳ dự tuyển: Giáo viên Tin học trung học phổ thông**

|     |                 |            |     |       |     |                    |                        |    |                     |    |      |
|-----|-----------------|------------|-----|-------|-----|--------------------|------------------------|----|---------------------|----|------|
| 258 | Nguyễn Tuấn Anh | 08/03/1992 | Nam | Mường | DT  | Lạc Thủy, Hòa Bình | DH Mỏ Hà Nội           | DH | Tin học Ứng dụng    | CQ | TBK  |
| 259 | Bùi Anh Đức     | 08/02/1985 | Nam | Mường | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình  | DH CNTT&TT Thái Nguyên | DH | Công nghệ Thông tin | CQ | Khả  |
| 260 | Bùi Thị Giang   | 09/01/1990 | Nữ  | Mường | DT  | Tân Lạc, Hòa Bình  | DH CNTT&TT Thái Nguyên | DH | Kỹ sư CNTT          | CQ | Khả  |
| 261 | Hà Văn Hùng     | 02/07/1989 | Nam | Thái  | DT  | Mai Châu, Hòa Bình | DH CNTT&TT Thái Nguyên | DH | Kỹ sư CNTT          | CQ | TBK  |
| 262 | Tạ Thị Ngọc     | 17/08/1991 | Nữ  | Kinh  | CBB | Kim Bôi, Hòa Bình  | DHSP Hà Nội            | DH | Sư phạm Tin học     | CQ | TB   |
| 263 | Bùi Văn Thử     | 12/11/1989 | Nam | Mường | DT  | Lạc Sơn, Hòa Bình  | DH Tây Bắc             | DH | Sư phạm Tin học     | CQ | Giỏi |
| 264 | Bùi Thị Toan    | 20/02/1990 | Nữ  | Mường | DT  | Lạc Thủy, Hòa Bình | DH CNTT&TT Thái Nguyên | DH | Kỹ sư CNTT          | CQ | Khả  |
| 265 | Bùi Quang Trung | 21/03/1990 | Nam | Mường | DT  | Lạc Thủy, Hòa Bình | DH CNTT&TT Thái Nguyên | DH | Kỹ sư CNTT          | CQ | TBK  |

**Vị trí đang kỳ dự tuyển: Giáo viên Công nghệ trung học phổ thông**

|     |                  |            |    |      |  |                    |                        |    |                  |    |     |
|-----|------------------|------------|----|------|--|--------------------|------------------------|----|------------------|----|-----|
| 266 | Nguyễn Thị Tuyết | 16/11/1988 | Nữ | Kinh |  | Ý Yên, Nam Định    | DHSP Kỹ thuật Hưng Yên | DH | Sư phạm Kỹ thuật | CQ | Khả |
| 267 | Nguyễn Thị Tuyết | 20/09/1991 | Nữ | Kinh |  | Lạc Thủy, Hòa Bình | DHSP Hà Nội            | DH | Sư phạm Kỹ thuật | CQ | Khả |

**Vị trí đang kỳ dự tuyển: Nhân viên thiết bị thí nghiệm trung học phổ thông**

|     |               |            |     |       |    |                   |               |    |                  |    |     |
|-----|---------------|------------|-----|-------|----|-------------------|---------------|----|------------------|----|-----|
| 268 | Bùi Văn Chuẩn | 13/05/1993 | Nam | Mường | DT | Kim Bôi, Hòa Bình | DHSP Hà Nội 2 | DH | Sư phạm Sinh học | CQ | Khả |
| 269 | Lý Văn Hành   | 08/02/1992 | Nam | Dao   | DT | Vân Hồ, Sơn La    | DH Tây Bắc    | DH | Sư phạm Vật lý   | CQ | Khả |



| TT  | Họ và tên              | Ngày sinh  | GT | Dân tộc | DUT | Nơi sinh            | Trường đào tạo   | T. độ | Chuyên ngành       | Hệ | LTN  |
|-----|------------------------|------------|----|---------|-----|---------------------|------------------|-------|--------------------|----|------|
| 270 | Triệu Thị Hà Đào Tạo   | 04/03/1993 | Nữ | Nùng    | DT  | Văn Quan, Lạng Sơn  | DHSP Thái Nguyên | DH    | Sư phạm Hóa - Sinh | CQ | TB   |
| 271 | Bùi Thị Mai            | 02/01/1987 | Nữ | Mường   | DT  | Tân Lạc, Hòa Bình   | DH Tây Bắc       | DH    | Sư phạm Sinh học   | CQ | Khá  |
| 272 | Bùi Thị Mai            | 23/05/1993 | Nữ | Mường   | DT  | Cao Phong, Hòa Bình | DHSP Thái Nguyên | DH    | Sư phạm Sinh học   | CQ | Khá  |
| 273 | Bùi Thủy Mỹ            | 01/10/1992 | Nữ | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình   | DH Tây Bắc       | DH    | Sư phạm Vật lý     | CQ | Khá  |
| 274 | Nguyễn Thị Bích Phương | 03/03/1990 | Nữ | Kinh    | CBB | Tân Lạc, Hòa Bình   | DH Tây Bắc       | DH    | Sư phạm Sinh học   | CQ | TBK  |
| 275 | Bùi Thị Thanh          | 20/05/1991 | Nữ | Mường   | DT  | Tân Lạc, Hòa Bình   | DHSP Thái Nguyên | DH    | Sư phạm Sinh học   | CQ | Giỏi |

Khối: Phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở

Vị trí đang kỳ dự tuyển: Giáo viên Toán PT DTNT THCS

|     |                    |            |     |        |    |                     |               |    |                  |    |     |
|-----|--------------------|------------|-----|--------|----|---------------------|---------------|----|------------------|----|-----|
| 276 | Phùng A Cha        | 11/01/1992 | Nam | H'Mông | DT | Mai Châu, Hòa Bình  | DHSP Hà Nội 2 | DH | Sư phạm Toán học | CQ | TB  |
| 277 | Nguyễn Thị Kim Cúc | 03/02/1990 | Nữ  | Kinh   |    | Lạc Sơn, Hòa Bình   | DHSP Hà Nội   | DH | Sư phạm Toán học | CQ | TB  |
| 278 | Nguyễn Thu Trang   | 30/08/1989 | Nữ  | Kinh   |    | Lương Sơn, Hòa Bình | DHSP Hà Nội   | DH | Sư phạm Toán học | CQ | TBK |

Vị trí đang kỳ dự tuyển: Giáo viên Tiếng Anh PT DTNT THCS

|     |                    |            |    |      |  |                   |             |    |                   |    |    |
|-----|--------------------|------------|----|------|--|-------------------|-------------|----|-------------------|----|----|
| 279 | Vũ Thị Huyền Trang | 21/09/1990 | Nữ | Kinh |  | Lạc Sơn, Hòa Bình | DHSP Hà Nội | DH | Sư phạm Tiếng Anh | CQ | TB |
|-----|--------------------|------------|----|------|--|-------------------|-------------|----|-------------------|----|----|

Vị trí đang kỳ dự tuyển: Nhân viên thủ quỹ kiêm văn thư PT DTNT THCS

|     |                           |            |    |      |    |                     |                     |    |         |    |     |
|-----|---------------------------|------------|----|------|----|---------------------|---------------------|----|---------|----|-----|
| 280 | Đỗ Thị Huyền              | 26/04/1993 | Nữ | Kinh |    | Thường Tín, Hà Nội  | CD Công đồng Hà Nội | CD | Kế toán | CQ | Khá |
| 281 | Lê Thị Hồng               | 20/11/1987 | Nữ | Kinh |    | Thọ Xuân, Thanh Hóa | DH Mỏ Hà Nội        | DH | Kế toán | TX | Khá |
| 282 | Nguyễn Thị Thu Hương Hiền | 05/08/1987 | Nữ | Kinh | DC | Yên Thủy, Hòa Bình  | DH Mỏ Hà Nội        | DH | Kế toán | TX | Khá |

Khối: Cao đẳng Sư phạm

Vị trí đang kỳ dự tuyển: Giáo viên dạy môn Tâm lý Giáo dục Trường Cao đẳng

|     |                      |            |    |       |    |                    |             |    |                 |    |      |
|-----|----------------------|------------|----|-------|----|--------------------|-------------|----|-----------------|----|------|
| 283 | Nguyễn Thị Hạnh      | 15/07/1991 | Nữ | Kinh  |    | Quỳnh Lưu, Nghệ An | DHSP Hà Nội | DH | Tâm lý Giáo dục | CQ | Giỏi |
| 284 | Nguyễn Thị Hương May | 17/09/1986 | Nữ | Mường | DT | Kỳ Sơn, Hòa Bình   | DHSP Hà Nội | DH | Sư phạm TLGD    | CQ | Khá  |

Khối: Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật

| TT                                                                                   | Họ và tên        | Ngày sinh  | GT  | Dân tộc | DUT | Nơi sinh              | Trường đào tạo     | T.độ | Chuyên ngành       | Hệ | LTN |
|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------|-----|---------|-----|-----------------------|--------------------|------|--------------------|----|-----|
| <b>Vị trí đang kế hoạch tuyển: Giáo viên dạy môn Kế toán Trường Cao đẳng Kinh tế</b> |                  |            |     |         |     |                       |                    |      |                    |    |     |
| 285                                                                                  | Vũ Thị Hương Trạ | 19/11/1986 | Nữ  | Kinh    |     | Tân Lạc, Hòa Bình     | Học viện Tài chính | DH   | Kế toán            | CQ | Khả |
| <b>Vị trí đang kế dự tuyển: Giáo viên dạy môn CNTT Trường Cao đẳng KT-KT</b>         |                  |            |     |         |     |                       |                    |      |                    |    |     |
| 286                                                                                  | Đình Đức Ân      | 03/12/1992 | Nam | Mường   | DT  | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DH Sao Đỏ          | DH   | Kỹ sư CNTT         | CQ | TB  |
| <b>Vị trí đang kế dự tuyển: Nhân viên TB-TN Trường Cao đẳng KT-KT</b>                |                  |            |     |         |     |                       |                    |      |                    |    |     |
| 287                                                                                  | Hà Công Mạnh     | 21/10/1993 | Nam | Thái    | DT  | Mai Châu, Hòa Bình    | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Sinh học   | CQ | Khả |
| 288                                                                                  | Vũ Thị Thu Hằng  | 13/12/1991 | Nữ  | Kinh    |     | TP Hòa Bình, Hòa Bình | DHSP Hà Nội        | DH   | Sư phạm Sinh học   | CQ | Khả |
| 289                                                                                  | Bùi Thị Chinh    | 10/05/1993 | Nữ  | Mường   | DT  | Kim Bôi, Hòa Bình     | DH Tây Bắc         | DH   | Sư phạm Sinh - Hóa | CQ | Khả |

Ghi chú: Các cột GT (Giới tính), DUT (Diện ưu tiên), T.độ (Trình độ đào tạo), Hệ (Hệ đào tạo), LTN (Loại tốt nghiệp).